TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI LAI** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST
Ngày 03/01/2024
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Giúp Đở

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thúy Liễu

Bà Trần Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 629/2023/QĐXXST-HN ngày 07 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 656/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đông K**, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Ngô Thị Đ**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đông K trình bày:

Ông và bà Ngô Thị Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2005, đến năm 2012 đăng ký kết hôn và đã được UBND xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/02/2012.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã về vấn đề tiền bạc. Ngoài ra, cũng một phần do gia đình bên vợ tác động đến cuộc sống gia đình cũng như xúi giục vợ chồng ông ly hôn. Do mâu thuẫn ngày càng nhiều nên ông và bà Đ đã ly thân tháng từ khoảng tháng 7/2023 cho đến nay. Mặc dù, đã nhiều lần tìm biện pháp hàn gắn nhưng không mang lại kết quả, đến nay và tình cảm vợ chồng cũng

không còn nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thái K1 (nam), sinh ngày 01/7/2005 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh N nên ông giao cháu cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông xác định không có.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Đ và giao con chung chưa thành niên cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, về tài sản chung và nợ chung nguyên đơn xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự và nơi cư trú của bị đơn thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án án nhân dân huyện Thới Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, hôn nhân giữa ông K và bà Đ là do tự nguyện nên khi về chung sống ông, bà cũng đã có thời gian hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi về vấn đề tiền bạc. Hơn nữa ông, bà cũng đã có thời gian sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay nhưng vẫn không tìm ra biện pháp để hàn gắn. Mặc dù, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Đ vẫn không đến Tòa án để trình bày ý kiến của bà như thế nào đối với yêu cầu ly hôn của ông K. Điều đó cho thấy bà Đ đã mặc nhiên thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và bà cũng không mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nếu có kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai nên yêu cầu ly hôn của ông K đối với bà Đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông, bà có 02 con chung tên Nguyễn Thái K1 (nam), sinh ngày 01/7/2005 (đã trưởng thành nên không xem xét) và Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 20/02/2012. Hiện nay bà Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh N và ông K cũng đồng ý giao cho bà Đ nuôi dưỡng. Đồng thời cũng để bảo đảm sự ổn định, tránh làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cháu

Huỳnh N cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí hôn nhân: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đông K đối với bà Ngô Thị Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh N (nữ), sinh ngày 20/02/2012 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông K không ai được quyền ngăn cản. Để bảo đảm quyền lợi của trẻ, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông K xác định không có nên không xem xét, nếu sau này có phát tranh chấp và có đơn kiện sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: 300.000đồng, ông K phải chịu. Ông K được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0005451 ngày 16/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Thới Lai;
- THADS H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Giúp Đở